

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/DS-ST
Ngày: 04-01-2024
Về việc: Tranh chấp đòi tài sản
(tiền)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Minh Phượng
2. Bà Mai Hồng Thắm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Không tham gia

Ngày 04 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 111/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp đòi tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 269/2023/QĐXXST-DS ngày 24/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 225/2023/QĐST-DS ngày 15/12/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960.

1.2 Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1963.

Cùng nơi cư trú: Tổ A, ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Cẩm T, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: số A, tổ G, ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/8/2023 và lời khai trong quá trình làm việc, hòa giải, giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông bà và bà Lê Thị Cẩm T do quen biết cùng xóm với nhau chứ không bà con gì. Ông bà được biết bà T làm chủ hụi nên có chơi hụi vào dây hụi do bà T làm

chủ từ năm 2020, các lần chơi hội trước đây bà T giữ uy tín với ông bà. Sau đó bà T có nhờ bà L hỏi vay dùm bà T nhiều lần với tổng số tiền vốn vay là 95.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận như thế nào bà L không nhớ. Mỗi lần đưa tiền bà L đưa trực tiếp cho bà T tại nhà của ông bà. Số tiền này bà T chưa trả cho ông bà nợ vốn và lãi cho đến nay.

Về số tiền hội: Ông bà chơi rất nhiều dây hội và mua hội, nhưng đến lượt ông bà hốt hội nhưng bà T không châu hội và những dây hội ông bà đã đóng hội sống cũng như mua hội thì bà T không trả lại do bà T bẻ hội.

Sau nhiều lần lại nhà bà T đòi thì bà T hứa nhưng không trả và để làm tin cho ông bà thì vào ngày 19/2/2021 al bà T đến nhà ông bà và bà T ngồi lại với ông bà chốt lại số tiền còn nợ và viết Tờ biên nhận tiền, nội dung chốt lại tổng số tiền bà T còn nợ ông bà theo Tờ Biên nhận tiền ngày 19/2/2021 al (nhằm ngày 31/3/2021 dương lịch).

Nội dung Tờ Biên nhận tiền ngày 19/2/2021 al, là do bà Lê Thị Cẩm T viết và ký tên, viết tại nhà của ông bà.

Bà T hứa mỗi tháng trả 6 triệu đồng, đến tháng 10 sẽ trả 100.000.000đồng, nhưng không thực hiện.

Sau nhiều lần đòi tiền thì bà T đến nay trả cho ông bà được tổng số tiền là 25.000.000đồng, cụ thể như sau:

- + Ngày 16/3/2021 al , trả 10.000.000đồng
- + Ngày 27/10/2021 al , trả 5.000.000đồng
- + Ngày 30/10/2021 al , trả 5.000.000đồng
- + Ngày 11/01/2022 al , trả 5.000.000đồng

Tổng số tiền bà T trả là 25.000.000đồng. Ông bà xác định 25.000.000đồng bà T trả là trừ vào tiền vốn còn nợ Tờ Biên nhận tiền ngày 19/2/2021 al. Đến nay nhiều lần liên hệ, thì bà T không trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả cho ông bà.

Hiện nay bà T còn sinh sống tại địa phương nhưng khi ông bà nộp đơn đến Tòa án bà T có điện thoại cho ông bà nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cũng như đến Tòa án để hòa giải.

Nay ông bà yêu cầu bà Lê Thị Cẩm T có trách nhiệm trả số tiền còn nợ 440.000.000đồng - 25.000.000đồng = 415.000.000đồng (Bốn trăm mười lăm triệu đồng), theo Tờ Biên nhận tiền ngày 19/02/2021 al. Ông bà không yêu cầu trả lãi.

Quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Cẩm T mặc dù nhận trực tiếp các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn ông **C** và bà **L**. Tại phiên tòa được mở lần thứ hai hôm nay, bị đơn bà **T** tiếp tục vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án ông **Nguyễn Văn C** và bà **Nguyễn Thị L1** khởi kiện yêu cầu bà **Lê Thị Cẩm T** trả số tiền hui và số tiền vay. Sau đó ông **Nguyễn Văn C** và bà **Nguyễn Thị L1** có ý kiến xác định lại yêu cầu bà **Lê Thị Cẩm T** đòi số tiền còn nợ theo biên nhận đã ký, không yêu cầu trả lãi. Xét, yêu cầu của ông **C** và **L1** không vượt quá yêu cầu khởi kiện nên được chấp nhận và Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xác định quan hệ tranh chấp dân sự là “Đòi tài sản (tiền), theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà **Lê Thị Cẩm T** cư ngụ sinh sống trên địa bàn **huyện C, tỉnh An Giang** Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa cho bà **Lê Thị Cẩm T** nhưng bà **Lê Thị Cẩm T** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà **Lê Thị Cẩm T** theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn ông **Nguyễn Văn C** và bà **Nguyễn Thị L** yêu cầu bị đơn bà **Lê Thị Cẩm T** trả số tiền còn nợ 415.000.000 đồng.

Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bản chính Tờ Biên nhận tiền ngày 19/02/2021 al.

[2.2] Xét, Tờ Biên nhận tiền ngày 19/02/2021 al thể hiện nội dung “Tôi tên: **Lê Thị Cẩm T** sn 1987 cư ngụ **ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang**. Tôi có nhận số tiền 440.000.000đ / Bốn trăm bốn chục triệu đồng. của gia đình anh chị ba. **Nguyễn Thị L** và **Nguyễn Văn C**. Sn 1963. Tôi hứa mỗi tháng trả 6 triệu và khoảng tháng 10 tôi đưa trả 100.000.000 nữa. Người nhận tiền .Thơ. **Lê Thị Cẩm T**”

Nguyên đơn ông **C** và **L** trình bày: sau khi viết biên nhận nợ, phía bà **T** có trả cho ông bà tổng số tiền 25.000.000đồng, cụ thể: “Ngày 16/3/2021 al , trả 10.000.000đồng; Ngày 27/10/2021 al , trả 5.000.000đồng; Ngày 30/10/2021 al , trả 5.000.000đồng; Ngày 11/01/2022 al , trả 5.000.000đồng”, thì không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông **C** và bà **L**.

[2.3] Xét, theo Tờ Biên nhận tiền ngày 19/02/2021 al, giữa ông **Nguyễn Văn C1**, bà **Nguyễn Thị L** và bà **Lê Thị Cẩm T** được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119 và Điều 463 Bộ luật dân

sự năm 2015, nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Do đó, việc bà **Lê Thị Cẩm T** không thực hiện theo nội dung đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ đối với ông **C1**, bà **L**. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông **C1**, bà **L** là có căn cứ, cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Để tạo điều kiện cho bị đơn bà **T** trả số tiền còn nợ, ông **C1** và bà **L** đồng ý khấu trừ tổng số tiền 25.000.000 đồng vào số tiền vốn còn nợ 440.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi,. Xét, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn ông **C1** bà **L**, phù hợp với quy định pháp luật và có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

[2.5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Nguyễn Văn C** bà **Nguyễn Thị L**: Buộc bà **Lê Thị Cẩm T** có trách nhiệm trả số tiền còn nợ 415.000.000 đồng (Bốn trăm mười lăm triệu đồng).

[3] Về án phí dân sự: Bị đơn bà **Lê Thị Cẩm T** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 235, điểm b khoản 1 Điều 238, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.;

- Các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Văn C**, bà **Nguyễn Thị L**.

Buộc bà **Lê Thị Cẩm T** có trách nhiệm trả cho ông **Nguyễn Văn C**, bà **Nguyễn Thị L** số tiền còn nợ 415.000.000 đồng (Bốn trăm mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự:

Bị đơn bà **Lê Thị Cẩm T** phải chịu 20.600.000 đồng (Hai mươi triệu, sáu trăm nghìn đồng), án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn ông **Nguyễn Văn C**, bà **Nguyễn Thị L** được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà **Lê Thị Cẩm T** được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND H. Châu Thành
- Chi cục Thi hành án
DS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Xuân Bích